

CÔNG TY TNHH MTV THẢO HUYỀN MINH TƯỜNG 88

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV THẢO HUYỀN MINH TƯỜNG 88

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3702753909

3. Ngày thành lập: 25/03/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 71-73, Tổ 3, Ấp Đồng Sở, Thị Trấn Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
2.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
3.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
4.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
5.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
6.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
7.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
8.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
9.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
10.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
11.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
12.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
13.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
14.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
15.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
16.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
17.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
18.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
19.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512

20.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
21.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
22.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
23.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
24.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
25.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
26.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
27.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
28.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
29.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
30.	Sản xuất đồng hồ	2652
31.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
32.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
33.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
34.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
35.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
36.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
37.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
38.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
39.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
40.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
41.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
42.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
43.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
44.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
45.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
46.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
47.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
48.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
49.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
50.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
51.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
52.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
53.	Sản xuất máy luyện kim	2823

54.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
55.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
56.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
57.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
58.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
59.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
60.	Sản xuất nhạc cụ	3220
61.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
62.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
63.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
64.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
65.	Truyền tải và phân phối điện	3512
66.	Sản xuất điện	3511
67.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
68.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
69.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
70.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
71.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
72.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
73.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
74.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
75.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
76.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
77.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
78.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
79.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
80.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
81.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
82.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
83.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
84.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
85.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
86.	Sản xuất giày, dép	1520
87.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
88.	Xây dựng nhà để ở	4101
89.	Xây dựng nhà không để ở	4102

90.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
91.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
92.	Xây dựng công trình điện	4221
93.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
94.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
95.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
96.	Xây dựng công trình thủy	4291
97.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
98.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
99.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
100.	Phá dỡ	4311
101.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
102.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
103.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
104.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
105.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
106.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
107.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
108.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
109.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
110.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
111.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
112.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
113.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
114.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
115.	Vận tải đường ống	4940
116.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
117.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
118.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
119.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
120.	Hoạt động ngân hàng trung ương	6411
121.	Hoạt động trung gian tiền tệ khác	6419
122.	Hoạt động công ty nắm giữ tài sản	6420
123.	Hoạt động quỹ tín thác, các quỹ và các tổ chức tài chính khác	6430
124.	Hoạt động cho thuê tài chính	6491
125.	Hoạt động cấp tín dụng khác	6492

126.	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)	6499
127.	Bảo hiểm nhân thọ	6511
128.	Bảo hiểm phi nhân thọ	6512
129.	Bảo hiểm sức khỏe	6513
130.	Tái bảo hiểm	6520
131.	Bảo hiểm xã hội	6530
132.	Quản lý thị trường tài chính	6611
133.	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán	6612
134.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
135.	Đánh giá rủi ro và thiệt hại	6621
136.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm	6622
137.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
138.	Cho thuê xe có động cơ	7710
139.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
140.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
141.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
142.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
143.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
144.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
145.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
146.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
147.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
148.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395(Chính)
149.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
150.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TẠ THỊ HUYỀN THƯƠNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 27/02/1988 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 186691884

Ngày cấp: 01/10/2005 Nơi cấp: Công An Tỉnh Nghệ An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số Nhà 52, Khối 5, Thị Trấn Cầu Giát, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 71-73, Tổ 3, Ấp Đồng Sở, Thị Trấn Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TẠ THỊ HUYỀN THƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Sinh ngày: 27/02/1988 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 186691884

Ngày cấp: 01/10/2005 Nơi cấp: Công An Tỉnh Nghệ An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số Nhà 52, Khối 5, Thị Trấn Cầu Giát, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 71-73, Tổ 3, Ấp Đồng Sở, Thị Trấn Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương